**BẢNG SO SÁNH**

**Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải (sửa đổi, bổ sung Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017, Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017, Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017, Nghị định số 82/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017, Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017, Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017, Nghị định số 82/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019** | **Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải (sửa đổi, bổ sung Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017, Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017, Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20/3/2017, Nghị định số 82/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019)** | **Lý do sửa đổi, bổ sung** |
|  | *Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*  *Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;*  *Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;*  *Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải.* |  |
| **Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2022 quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải** | **Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải và Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2022 quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải** |  |
|  | **1. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:** |  |
| ***Điều 24. Dịch vụ ~~công ích~~ bảo đảm an toàn hàng hải*** | ***"Điều 24. Dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải, thông tin duyên hải*** | - Sửa đổi “công ích” thành “sự nghiệp công” theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên |
| 1. Dịch vụ ~~công ích~~ bảo đảm an toàn hàng hải gồm: | 1. Dịch vụ ***sự nghiệp công*** bảo đảm an toàn hàng hải gồm: |
| a) Vận hành~~, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải;~~ | ***a) Vận hành, bảo trì hệ thống đèn biển, đăng tiêu độc lập;*** | Sửa đổi điểm a, tách thành 2 điểm để phù hợp với hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực bảo đảm an toàn hàng hải ban hành tại Thông tư số 38/2021/TT-BGTVT ngày 30/12/2021 của Bộ Giao thông vận tải. |
|  | ***b) Vận hành, bảo trì hệ thống luồng hàng hải công cộng (bao gồm cả báo hiệu chướng ngại vật; kiểm tra thường xuyên đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng và kè bảo vệ bờ luồng hàng hải);*** |
| b) Khảo sát, xây dựng và phát hành, cập nhật hải đồ vùng nước cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; | c) Khảo sát, xây dựng và phát hành, cập nhật hải đồ vùng nước cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; | Không sửa đổi |
| c) ~~Thông báo hàng hải;~~ | ***d) Khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển được giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải thuộc Bộ Giao thông vận tải quản lý;*** | Lý do sửa đổi:  - Đối với nội dung: Khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối với luồng hàng hải công cộng. Sửa đổi để phù hợp với điểm c, Điều 1 Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải;  - Đối với nội dung: Khảo sát định kỳ phục vụ công bố thông báo hàng hải đối khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển được giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải thuộc Bộ Giao thông vận tải quản lý. Lý do sửa:  + Theo điểm a, khoản 1 Điều 5 Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, Khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển và là tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã được giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải thuộc Bộ Giao thông vận tải quản lý.  + Công tác khảo sát định kỳ khảo sát và công bố thông báo hàng hải đối với Khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 22 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.  + Về kinh phí bảo trì: Theo khoản 5, Điều 9 Nghị định 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được bố trí từ ngân sách nhà nước. |
| d) Nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng để đảm bảo độ sâu của luồng theo chuẩn tắc thiết kế; | đ) Nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng để đảm bảo độ sâu của luồng theo chuẩn tắc thiết kế | Không sửa đổi |
| ~~đ) Thông tin điện tử hàng hải;~~ |  | Chuyển nội dung thành khoản 2. |
| ~~e) Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp công trình, tài sản bảo đảm an toàn hàng hải;~~ | ***e) Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được giao cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải thuộc Bộ Giao thông vận tải quản lý;*** | Sửa đổi để phù hợp với Điều 4, Điều 5 và khoản 5, Điều 9 Nghị định 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải. |
| g) Nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải. | g) Nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải ***(bao gồm cả: khảo sát chướng ngại vật, thiết lập và thu hồi báo hiệu chướng ngại vật; nạo vét duy tu đột xuất luồng hàng hải công cộng; khảo sát xác định hướng tuyến luồng và điều chỉnh hệ thống báo hiệu hàng hải để tận dụng độ sâu tự nhiên vào chạy tàu);*** | - Sửa đổi, bổ sung điểm g, quy định một số trường hợp cụ thể:  + Khảo sát chướng ngại vật, thiết lập và thu hồi báo hiệu chướng ngại vật: Theo Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam, khi tiếp nhận thông tin về tài sản chìm đắm thì các cơ quan phải tổ chức thiết lập báo hiệu cảnh báo, thông báo hàng hải, đường thủy nội địa và điều tiết giao thông nếu cần thiết để đảm bảo an toàn cho hoạt động của tàu thuyền (theo Điều 7) và chủ sở hữu tài sản chìm đắm có trách nhiệm thanh toán khoản chi phí này (theo Điều 24.) Nếu không xác định được chủ sở hữu mà số tiền thu được từ việc trục vớt, bán tài sản không đủ bù đắp chi phí thì được ngân sách nhà nước cấp bổ sung. Thực tế có rất nhiều vụ việc chìm đắm tài sản không xác định được chủ sở hữu tài sản, trong khi công tác thiết lập báo hiệu chướng ngại vật phải thực hiện kịp thời để đảm bảo an toàn hành hải, do vậy Cục Hàng hải Việt Nam đề nghị đưa nhiệm vụ này vào danh mục nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải.  + Nạo vét duy tu đột xuất luồng hàng hải công cộng: Bổ sung theo điểm a, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa (nạo vét duy tu đột xuất để đảm bảo an toàn giao thông theo hình thức chỉ định thầu rút gọn đối với các nhiệm vụ đột xuất do nguyên nhân bất khả kháng mà nếu không thực hiện thì có nguy cơ mất an toàn hàng hải hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động hàng hải).  + Khảo sát điều chỉnh tuyến luồng và hệ thống báo hiệu hàng hải để tận dụng độ sâu tự nhiên vào chạy tàu: Do tác động của dòng chảy, một số tuyến luồng hàng hải thường xuyên bị thay đổi hướng tuyến (như luồng Định An – Cần Thơ…). Nếu thực hiện nạo vét duy tu theo hướng tuyến cố định để đảm bảo chuẩn tắc thiết kế cho tàu hành hải thì chi phí cao, không hiệu quả. Trong khi đó việc khảo sát điều chỉnh hướng tuyến của luồng và hệ thống báo hiệu hàng hải để tận dụng độ sâu tự nhiên cho tàu hành hải với chi phí thấp nên có hiệu quả kinh tế cao hơn so với nạo vét duy tu. Đây là nhiệm vụ cần thiết nên Cục Hàng hải Việt Nam đề nghị đưa vào danh mục nhiệm vụ đột xuất bảo đảm an toàn. |
|  | ***h) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải;*** | - Lý do bổ sung điểm h:  Theo điểm d, khoản 3 Điều 7 Thông tư số 19/2022/TT-BGTVT ngày 26/7/2022 của Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải. Các nội dung trong kế hoạch bảo trì công trình hàng hải bao gồm: xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ công tác bảo trì công trình hàng hải. Mặt khác, định mức kinh tế - kỹ thuật bảo đảm an toàn hàng hải hiện tại được xây dựng dựa trên cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có tại hai Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải. Các mức hao phí trong định mức hầu hết chưa được quy định hao phí theo “ca máy” mà tính theo thực tế bố trí phương tiện, thiết bị hiện có, chưa đảm bảo tính trung bình tiên tiến, ổn định và thống nhất; một số thiết bị, phương tiện của các Tổng công ty BĐATHH Bảo đảm an toàn hàng hải đã lạc hậu, tiêu hao nhiên liệu lớn làm tăng kinh phí cung ứng dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải. Để khắc phục tồn tại trên và đảm bảo công tác xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực bảo đảm an toàn hàng hải được khách quan, đảm bảo tính trung bình tiên tiến, ổn định, thống nhất và các định mức hao phí theo “ca máy” cần thiết phải có đơn vị Tư vấn độc lập có đủ năng lực để thực hiện. Tuy nhiên kinh phí thuê tư vấn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật chưa được cấp có thẩm quyền bố trí. Vì vậy, Cục Hàng hải Việt Nam đề nghị bổ sung nhiệm vụ này vào dự thảo Thông tư sửa đổi để có nguồn kinh phí tổ chức thực |
|  | ***i) Ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cấp, bảo trì, cập nhật cơ sở dữ liệu và phần mềm phục vụ quản lý, vận hành, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải;*** | Bổ sung điểm i theo quy định tại Điều 29 Nghị định 43/2018/NĐ- CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và các thông số kỹ thuật, bảo trì, khai thác tài sản. |
|  | ***2. Dịch vụ sự nghiệp công thông tin duyên hải*** | Sửa đổi tên dịch vụ phù hợp theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và đổi thành Khoản 2 |
| 2. Bộ Giao thông vận tải tổ chức thực hiện việc đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch cho các doanh nghiệp bảo đảm an toàn hàng hải thực hiện cung cấp sản phẩm, ~~dịch vụ công ích bảo đảm hàng hải~~ theo quy định. | 3. Bộ Giao thông vận tải tổ chức thực hiện việc đấu thầu, đặt hàng cho các đơn vị và doanh nghiệp bảo đảm an toàn hàng hải thực hiện cung cấp sản phẩm, ***dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm hàng hải, thông tin duyên hải*** theo quy định." | Sửa đổi lại thứ tự thành Khoản 3, sửa lại tên dịch vụ cho phù hợp với Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. |
| **Điều 39. Đầu tư xây dựng báo hiệu hàng hải** | **2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 39 như sau:** |  |
| 1. Căn cứ vào quy mô, tính chất và đặc điểm của dự án đầu tư báo hiệu hàng hải từ nguồn vốn nhà nước, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định đầu tư hoặc phân cấp, ủy quyền cho Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, quyết định đầu tư. |  |  |
| 2. Doanh nghiệp bảo đảm an toàn hàng hải có trách nhiệm thiết lập kịp thời báo hiệu hàng hải phục vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải, đồng thời báo cáo ngay cho Cục Hàng hải Việt Nam và Cảng vụ hàng hải khu vực. |  |  |
| 3. Các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ thiết lập báo hiệu hàng hải khi quản lý khai thác luồng hàng hải chuyên dùng hoặc sử dụng các vùng nước sau đây: |  |  |
| a) Vùng khoan thăm dò địa chất, khai thác dầu mỏ, khí đốt; |  |  |
| b) Vùng đánh bắt, nuôi trồng hải sản; |  |  |
| c) Vùng công trình đang thi công, trục vớt cứu hộ; |  |  |
| d) Vùng đặt đường cáp hoặc đường ống ngầm, công trình ngầm, thiết bị ngầm có ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải; |  |  |
| đ) Vùng diễn tập: Quân sự, tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ, ứng cứu khắc phục sự cố tràn dầu; |  |  |
| e) Vùng đặt hệ thống thu thập dữ liệu hải dương; |  |  |
| g) Vùng giải trí, du lịch và thể thao. |  |  |
| 4. Các tổ chức, cá nhân khi xây dựng các công trình ngầm, công trình vượt qua luồng hàng hải hoặc các công trình có ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải nhu cầu, đường dây điện, cáp treo, các công trình ngầm, giàn khoan, phong điện, thủy điện, nhiệt điện và các công trình tương tự khác có nghĩa vụ thiết lập báo hiệu hàng hải, bảo đảm an toàn hàng hải. |  |  |
| 5. Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 3 Điều này trước khi tiến hành thiết lập báo hiệu hàng hải phải được sự chấp thuận của Cục Hàng hải Việt Nam về vị trí, quy mô, loại báo hiệu hàng hải theo quy định tại Điều 40 Nghị định này. | **“**5. Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 3 Điều này trước khi tiến hành thiết lập báo hiệu hàng hải phải được sự chấp thuận của ***Cảng vụ hàng hải khu vực***, Cục Hàng hải Việt Nam về vị trí, quy mô, loại báo hiệu hàng hải theo quy định tại Điều 40 Nghị định này.” | Sửa đổi khoản 5 Điều 39, bổ sung “Cảng vụ Hàng hải” cho phù hợp với nội dung sửa đổi tại Điều 40 theo phương án phân cấp được phê duyệt tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg, phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Cảng vụ Hàng hải. Tuy nhiên đối với báo hiệu ngoài vùng nước cảng biển hoặc hệ thống báo hiệu hàng hải nằm trong nhiều vùng nước cảng biển thuộc quản lý của các Cảng vụ hàng hải thì Cảng vụ phải lấy ý kiến của Cục Hàng hải Việt Nam để bảo đảm triển khai đồng bộ và đúng quy hoạch được phê duyệt. |
| 6. Việc thiết lập báo hiệu hàng hải phải tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu hàng hải. |  |  |
| **Điều 40. Thủ tục chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 69/2022/NĐ-CP)** | **3. Sửa đổi, bổ sung Điều 40, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 69/2022/NĐ-CP như sau:** |  |
| **Điều 40. Thủ tục chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải** | **“Điều 40. Thủ tục chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải** |  |
| “1. ~~Tổ chức, cá nhân gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam 01 bộ hồ sơ. Hồ sơ gồm:~~ | ***1. Hồ sơ thủ tục chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải, bao gồm:*** | Sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Cảng vụ Hàng hải theo Mục A.2 Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 |
| a) Đơn đề nghị của tổ chức, cá nhân theo Mẫu số 15 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; | a) Đơn đề nghị của tổ chức, cá nhân theo Mẫu số 15 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; |  |
| b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính thiết kế kỹ thuật của báo hiệu hàng hải; | b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính thiết kế kỹ thuật của báo hiệu hàng hải; |  |
| c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính sơ đồ, tọa độ vị trí thiết lập báo hiệu hàng hải.” | c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính sơ đồ, tọa độ vị trí thiết lập báo hiệu hàng hải. |  |
|  | ***2. Đối với báo hiệu hàng hải có vị trí thiết lập trong vùng nước cảng biển, tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng hải.***  ***Cảng vụ hàng hải tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Cảng vụ hàng hải hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cảng vụ hàng hải có văn bản chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.*** | Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Cảng vụ Hàng hải theo Mục A.2 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 |
| 2. Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | ***3. Đối với báo hiệu hàng hải có vị trí thiết lập ngoài vùng nước cảng biển hoặc hệ thống báo hiệu hàng hải có vị trí thiết lập nằm trong nhiều vùng nước cảng biển thuộc quản lý của các Cảng vụ hàng hải, tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam.***  Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản chấp thuận thiết lập báo hiệu hàng hải; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do." | Bổ sung khoản 3 để đảm bảo triển khai đồng bộ với việc thực hiện thiết lập báo hiệu hàng hải và đúng quy hoạch; thống nhất với khoản 5 Điều 39. |
| **Điều 41. Thủ tục đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 69/2022/NĐ-CP)** | **4. Sửa đổi, bổ sung Điều 41, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 69/2022/NĐ-CP như sau:** |  |
| **Điều 41. Thủ tục đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng** | **“Điều 41. Thủ tục đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng** |  |
| "1. ~~Chủ đầu tư gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam 01 bộ hồ sơ~~. Hồ sơ gồm: | ***1. Hồ sơ Đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng, bao gồm:*** | Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Cảng vụ Hàng hải theo Mục A.5 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 |
| a) Văn bản đề nghị đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng theo Mẫu số 16 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; | a) Văn bản đề nghị đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng theo Mẫu số 16 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; |  |
| b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính biên bản nghiệm thu bàn giao; | b) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính biên bản nghiệm thu bàn giao; |  |
| c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ số gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính bình đồ khảo sát và rà quét chướng ngại vật luồng hàng hải đối với báo hiệu hàng hải trên các tuyến luồng hàng hải mới xây dựng do đơn vị có chức năng đo đạc, khảo sát thực hiện và cùng với chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ khảo sát; | c) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ số gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính bình đồ khảo sát và rà quét chướng ngại vật luồng hàng hải đối với báo hiệu hàng hải trên các tuyến luồng hàng hải mới xây dựng do đơn vị có chức năng đo đạc, khảo sát thực hiện và cùng với chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ khảo sát; |  |
| d) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính thông báo hàng hải về việc thiết lập mới báo hiệu hàng hải.” | d) Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính thông báo hàng hải về việc thiết lập mới báo hiệu hàng hải. |  |
|  | ***2. Đối với báo hiệu hàng hải có vị trí thiết lập trong vùng nước cảng biển, Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cảng vụ hàng hải.***  ***Cảng vụ hàng hải tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cảng vụ hàng hải hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cảng vụ hàng hải có văn bản ra quyết định về việc đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.*** | Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Cảng vụ Hàng hải theo Mục A.5 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 |
| ~~2.~~ Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản ra quyết định về việc đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | ***3. Đối với báo hiệu hàng hải có vị trí thiết lập ngoài vùng nước cảng biển hoặc hệ thống báo hiệu hàng hải có vị trí thiết lập nằm trong nhiều vùng nước cảng biển thuộc quản lý của các Cảng vụ hàng hải, Chủ đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Hàng hải Việt Nam.***  Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản ra quyết định về việc đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng; trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.” | Bổ sung khoản 3 để đảm bảo triển khai đồng bộ với việc thực hiện thiết lập báo hiệu hàng hải và đúng quy hoạch; thống nhất với khoản 5 Điều 39. |
| **Điều 64. Lai dắt tàu thuyền** | **5. Bổ sung Khoản 1a vào sau Khoản 1 Điều 64 như sau:** |  |
| Việc sử dụng tàu lai hỗ trợ khi tàu thuyền vào, rời và hoạt động tại cảng biển được thực hiện như sau: |  |  |
| 1. Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80 m trở lên khi điều động cập, rời cầu cảng, bến phao; cập mạn tàu thuyền khác; di chuyển vị trí, di chuyển trong luồng, quay trở trong phạm vi vùng nước trước cầu cảng, vùng nước bến phao, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải phải sử dụng tàu lai hỗ trợ theo quy định. |  |  |
|  | ***“1a. Các phương tiện thủy nội địa vận chuyển hàng container có chân vịt mũi, có chiều dài dưới 95m, kết nối cảng biển với cảng thủy nội địa được miễn tàu lai khi cập cầu.”*** | Bổ sung khoản 1a để triển khai thực hiện nội dung tại điểm d, mục 2 Phụ lục II “*Đề án phát triển đội tàu vận tải biển của Việt Nam*” được phê duyệt theo Quyết định 1254/QĐ-BGTVT ngày 28/9/2022, yêu cầu thực thi trong năm 2023.  Cụ thể: Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải yêu cầu tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80 mét trở lên bắt buộc phải có tàu lai hỗ trợ khi cập và rời cảng. Quy định này hiện đã không còn phù hợp với thực tế phát triển của ngành, vì với sự tiến bộ về kỹ thuật đóng mới tàu thuyền, để đảm bảo an toàn hành hải và tối ưu hiệu quả hoạt động vận tải, các tàu đều được trang bị chân vịt mũi. Bên cạnh đó, hiện nay còn nhiều cầu trên các tuyến vận tải thủy có tĩnh không khá thấp (chỉ từ 5-7m như cầu Bình Triệu cũ, cầu Đồng Nai cũ, các cầu khu vực ĐB sông Cửu Long) làm ảnh hưởng đến lưu thông đường thủy, hạn chế khả năng chất xếp container trên tàu. Theo đó, để giảm ảnh hưởng của hạn chế tĩnh không cầu, giúp các phương tiện hoạt động thông suốt và tăng năng lực chất xếp hàng hóa cần sửa đổi Nghị định số 58/2017/NĐ-CP để cho phép các phương tiện thủy có chân vịt mũi chuyên chở container có chiều dài nhỏ hơn hoặc bằng 92 mét (thay vì 80 mét như Nghị định) không bắt buộc phải có tàu lai khi cập và rời cảng để vận hành tốt và hiệu quả hơn. |
| 2. Việc quy định số lượng, công suất tàu lai hỗ trợ tàu thuyền, trường hợp phải sử dụng tàu lai căn cứ vào chiều dài lớn nhất, trọng tải, đặc tính của tàu, điều kiện thực tế tại khu vực, ý kiến của các tổ chức, cá nhân có liên quan và phải được quy định cụ thể tại Nội quy cảng biển. |  |  |
| 3. Thuyền trưởng của tàu thuyền có thể yêu cầu bổ sung số lượng tàu lai hoặc yêu cầu tàu lai có công suất lớn hơn khi cần thiết. |  |  |
| 4. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, Thuyền trưởng có thể yêu cầu tàu lai hỗ trợ nếu thấy cần thiết. |  |  |
| **Điều 110. Vận chuyển hành khách, hàng hóa, khai thác khoáng sản, cắm đăng đáy, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trong vùng nước cảng biển** | **6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 110 như sau:** |  |
| 1. Hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa, khai thác khoáng sản trong vùng nước cảng biển phải tuân thủ các quy định có liên quan của pháp luật; trước khi tiến hành phải thông báo cho Cảng vụ hàng hải biết. |  |  |
| 2. Hoạt động khai thác khoáng sản, cắm đăng đáy, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trong vùng nước cảng biển chỉ được thực hiện khi không ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải, an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và bảo vệ môi trường tại khu vực. |  |  |
| 3. Việc cắm đăng đáy, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trong vùng nước cảng biển phải được sự chấp thuận của ~~Cảng vụ hàng hải~~ theo trình tự sau: | “3. Việc cắm đăng đáy, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trong vùng nước cảng biển phải được sự chấp thuận của ***Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện*** theo trình tự sau: | Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cảng vụ hàng hải về Chủ tịch UBN cấp huyện theo Mục A.1 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 |
| a) Người đề nghị gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính cho ~~Cảng vụ hàng hải~~ văn bản theo Mẫu số 35 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; | a) Người đề nghị gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính cho ***Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện*** văn bản theo Mẫu số 35 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; |  |
| b) Chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, ~~Cảng vụ hàng hải~~ có văn bản chấp thuận ~~nếu~~ việc cắm đăng đáy, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do; | b) Chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, ***Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có văn bản xin ý kiến của Cảng vụ hàng hải khu vực. Cảng vụ hàng hải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản sau 01 ngày làm việc nhận được văn bản xin ý kiến. Chậm nhất 01 ngày làm việc sau khi nhận được văn bản trả lời của Cảng vụ hàng hải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản chấp thuận sau khi có văn bản chấp thuận của Cảng vụ hàng hải và việc cắm đăng đáy và nuôi trồng thủy hải sản đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này;*** | Bổ sung “sau khi được sự chấp thuận của Cảng vụ Hàng hải khu vực” để đảm bảo an toàn hàng hải |
| c) Thời hạn hoạt động không quá 02 năm. | c) Thời hạn hoạt động không quá 02 năm.” |  |
|  | **7.** Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 35 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 58/2017/NĐ-CP bằng Mẫu số 35 tại Mục 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. | Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 35 để thống nhất nội dung phân cấp quy định tại khoản 5 Điều này |
|  | ***8. Bãi bỏ khoản 6 và khoản 7 Điều 4 Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2022 quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.*** | Khoản 1 Điều 40 và khoản 1 Điều 41 đã được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định. |
| **Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn** | **Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn** |  |
| **Điều 22. Tạm dừng hoạt động, đóng cảng cạn** | **1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 22 như sau:** |  |
| 1. Tạm dừng hoạt động của cảng cạn được thực hiện trong trường hợp để phục vụ việc bảo dưỡng, sửa chữa cảng cạn hoặc để thực hiện các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật. Trước khi công bố tạm dừng hoạt động cảng cạn để bảo dưỡng, sửa chữa, chủ đầu tư phải có kế hoạch trước và bảo đảm không làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của các cơ quan, đơn vị tại cảng cạn. |  |  |
| 2. Đóng cảng cạn được thực hiện trong trường hợp vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh; cảng cạn không còn đủ điều kiện hoạt động theo quy định và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. |  |  |
| 3. Thủ tục công bố tạm dừng hoạt động, đóng cảng cạn | **“**3. Thủ tục công bố tạm dừng hoạt động, đóng cảng cạn |  |
| a) Tổ chức, cá nhân đề nghị tạm dừng hoạt động hoặc đóng cảng cạn gửi trực tiếp 01 bộ hồ sơ đến ~~Bộ Giao thông vận tải~~ hoặc gửi bằng các hình thức phù hợp khác. Hồ sơ gồm Tờ khai dừng hoạt động, đóng cảng cạn theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; | a) Tổ chức, cá nhân đề nghị tạm dừng hoạt động hoặc đóng cảng cạn gửi trực tiếp hoặc bằng hình thức phù hợp khác 01 bộ hồ sơ đến ***Cục Hàng hải Việt Nam***. Hồ sơ gồm Tờ khai dừng hoạt động, đóng cảng cạn theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; | Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam theo Mục A.8 – Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 |
| b) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, ~~Bộ Giao thông vận tải~~ có văn bản quyết định công bố đóng cảng cạn theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do. | b) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đề nghị, ***Cục Hàng hải Việt Nam*** có văn bản quyết định công bố đóng cảng cạn theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.” | Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam theo Mục A.8 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 |
|  | **2. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:** |  |
| **Điều 24. Thủ tục đổi tên cảng cạn** | **“Điều 24. Thủ tục đổi tên cảng cạn** |  |
| 1. Chủ đầu tư hoặc người quản lý khai thác cảng cạn gửi trực tiếp đến ~~Bộ Giao thông vận tải~~ 01 Tờ khai theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này kèm theo bản sao Quyết định công bố mở cảng cạn. | 1. Chủ đầu tư hoặc người quản lý khai thác cảng cạn gửi trực tiếp đến ***Cục Hàng hải Việt Nam*** 01 Tờ khai theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này kèm theo bản sao hoặc bản sao điện tử Quyết định công bố mở cảng cạn. | Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam theo Mục A.7 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 |
| 2. ~~Bộ Giao thông vận tải~~ tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc tên cảng cạn chưa phù hợp thì thông báo cho chủ đầu tư hoặc người khai thác cảng cạn để hoàn thiện hồ sơ cho phù hợp. | 2. ***Cục Hàng hải Việt Nam*** tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc tên cảng cạn chưa phù hợp thì thông báo cho chủ đầu tư hoặc người khai thác cảng cạn để hoàn thiện hồ sơ cho phù hợp. | Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam theo Mục A.7 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 |
| 3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, ~~Bộ Giao thông vận tải~~ ra quyết định đổi tên cảng cạn; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do. | 3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, ***Cục Hàng hải Việt Nam*** ra quyết định đổi tên cảng cạn; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời người đề nghị và nêu rõ lý do.” | Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam theo Mục A.7 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 |
|  | ***3. Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 04, Mẫu số 05 và Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 38/2017/NĐ-CP bằng Mẫu số 04, Mẫu số 05 và Mẫu số 06 tại Mục 2 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.*** | Sửa đổi, bổ sung mẫu cho thống nhất với nội dung sửa phân cấp quy định tại Điều này. |
| **Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 03 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022)** | **Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 03 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải và Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022.** |  |
| **Điều 3. Giải thích từ ngữ** | **1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 và khoản 6 Điều 3 như sau:** |  |
| Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: |  |  |
| 1. Công ước STCW là tên viết tắt của Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca của thuyền viên trên tàu biển năm 1978, sửa đổi, bổ sung năm 2010 mà Việt Nam là thành viên. |  |  |
| 2. Công ước MLC là tên viết tắt của Công ước Lao động hàng hải năm 2006 mà Việt Nam là thành viên. |  |  |
| 3. Cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải (sau đây viết tắt là cơ sở đào tạo, huấn luyện) là cơ sở huấn luyện thuyền viên làm việc trên tàu biển theo các quy định của Công ước STCW, được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải theo quy định tại Nghị định này. |  |  |
| 4. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải (sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận) là văn bản do ~~Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải~~ cấp cho cơ sở đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải. | a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:  “4. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải (sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận) là văn bản do ***Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam*** cấp cho cơ sở đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải.” | Sửa đổi thẩm quyền cho thống nhất với nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều 7 và Điều 8 dự thảo Nghị định |
| 5. Tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải là doanh nghiệp được cấp phép hoạt động trong lĩnh vực tuyển dụng, cung ứng lao động là thuyền viên làm việc trên tàu biển thông qua hình thức cho thuê hoặc cho thuê lại hoặc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật. |  |  |
| 6. Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải (sau đây viết tắt là Giấy xác nhận) là văn bản do ~~Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam~~ cấp cho tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải để xác nhận sự phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải theo quy định của Công ước MLC | b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:  “6. Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải (sau đây viết tắt là Giấy xác nhận) là văn bản do ***Chi cục trưởng Chi cục Hàng hải Việt Nam*** cấp cho tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải để xác nhận sự phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải theo quy định của Công ước MLC” | Sửa đổi thẩm quyền cho thống nhất với nội dung sửa đổi, bổ sung tại Điều 13 dự thảo Nghị định. |
| 7. Tổ chức chứng nhận có thẩm quyền bao gồm Cục Đăng kiểm Việt Nam, tổ chức của Việt Nam hoặc tổ chức của nước ngoài được phép hoạt động trong lĩnh vực chứng nhận hợp chuẩn theo quy định của pháp luật Việt Nam. |  |  |
|  | **2. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:** |  |
| **Điều 7. Cấp Giấy chứng nhận** | **“Điều 7. Cấp Giấy chứng nhận** |  |
| 1. ~~Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải~~ cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại Nghị định này. | 1. ***Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam*** cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại Nghị định này. | - Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam theo Mục A.3 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 |
| 2. Cơ sở đào tạo, huấn luyện gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc ~~gửi bằng các hình thức phù hợp khác~~ đến Bộ Giao thông vận tải. Hồ sơ bao gồm: | 2. Cơ sở đào tạo, huấn luyện gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp ***hoặc qua hệ thống bưu chính*** ***hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến*** ***hoặc bằng hình thức phù hợp khác*** đến ***Cục Hàng hải Việt Nam***. Hồ sơ bao gồm: | - Sửa đổi, bổ sung quy định “*hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác”*để thống nhất với các Điều khoản trong Nghị định và thực tiễn.  - Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam theo Mục A.3 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 |
| a) Tờ khai theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; | a) Tờ khai theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; |  |
| b) Bản sao chụp có chứng thực hoặc bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở đào tạo, huấn luyện; | b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính ***hoặc bản gốc*** để đối chiếu Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở đào tạo, huấn luyện; |  |
| c) Báo cáo thuyết minh các điều kiện bảo đảm cho hoạt động đào tạo, huấn luyện theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. | c) ***Bản gốc*** Báo cáo thuyết minh các điều kiện bảo đảm cho hoạt động đào tạo, huấn luyện theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. |  |
| 3. ~~Bộ Giao thông vận tải~~ tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, ~~Bộ Giao thông vận tải~~ có văn bản hướng dẫn cơ sở đào tạo, huấn luyện hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, ~~Bộ Giao thông vận tải~~ tổ chức kiểm tra thực tế và cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. | 3. ***Cục Hàng hải Việt Nam*** tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, ***Cục Hàng hải Việt Nam*** có văn bản hướng dẫn cơ sở đào tạo, huấn luyện hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, ***Cục Hàng hải Việt Nam*** tổ chức kiểm tra thực tế và cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”. | Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam theo Mục A.3 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 |
|  | **2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 8 như sau:** |  |
| **Điều 8. Cấp lại Giấy chứng nhận** |  |  |
| 1. Giấy chứng nhận được cấp lại trong các trường hợp bị mất, bị hư hỏng hoặc có sự thay đổi các thông tin về cơ sở đào tạo, huấn luyện. |  |  |
| 2. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nộp trực tiếp hoặc gửi ~~bằng hình thức phù hợp khác~~ đến ~~Bộ Giao thông vận tải~~ văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, trong đó nêu rõ lý do cấp lại kèm theo các tài liệu chứng minh sự thay đổi thông tin về cơ sở đào tạo (nếu có). Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ Giao thông vận tải cấp lại Giấy chứng nhận; trường hợp không cấp lại phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. | “2. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nộp trực tiếp ***hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến*** ***hoặc bằng hình thức phù hợp khác*** đến ***Cục Hàng hải Việt Nam*** văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, trong đó nêu rõ lý do cấp lại kèm theo các tài liệu chứng minh sự thay đổi thông tin về cơ sở đào tạo (nếu có). Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, ***Cục Hàng hải Việt Nam*** cấp lại Giấy chứng nhận; trường hợp không cấp lại phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. | - Sửa đổi, bổ sung quy định “*hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác”*để thống nhất với các Điều khoản trong Nghị định và thực tiễn.  - Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam theo Mục A.3 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 |
| 3. Khi cấp lại Giấy chứng nhận, ~~Bộ Giao thông~~ phải ghi rõ trong Giấy chứng nhận mới về việc thay thế Giấy chứng nhận cũ và phải thông báo trên Cổng thông tin điện tử của ~~Bộ Giao thông vận tải.~~ | 3. Khi cấp lại Giấy chứng nhận, ***Cục Hàng hải Việt Nam*** phải ghi rõ trong Giấy chứng nhận mới về việc thay thế Giấy chứng nhận cũ và phải thông báo trên Cổng thông tin điện tử của ***Cục Hàng hải Việt Nam”.*** | Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam theo Mục A.3 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 |
|  | **3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 9 như sau:** |  |
| **Điều 9. Đình chỉ hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải** |  |  |
| 1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện bị đình chỉ hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải trong các trường hợp sau: |  |  |
| a) Không duy trì một trong các điều kiện của cơ sở đào tạo, huấn luyện quy định tại Nghị định này; |  |  |
| b) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. |  |  |
| 2. ~~Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải~~ ra quyết định đình chỉ hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải. Quyết định đình chỉ hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải phải xác định rõ lý do đình chỉ, thời hạn đình chỉ, biện pháp bảo đảm quyền lợi nhà giáo, người học và người lao động trong cơ sở đào tạo, huấn luyện và phải thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giao thông vận tải. | “2. ***Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam*** ra quyết định đình chỉ hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải. Quyết định đình chỉ hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải phải xác định rõ lý do đình chỉ, thời hạn đình chỉ, biện pháp bảo đảm quyền lợi nhà giáo, người học và người lao động trong cơ sở đào tạo, huấn luyện và phải thông báo trên Cổng thông tin điện tử của ***Cục Hàng hải Việt Nam.*** | Sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam để phù hợp với thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định |
| 3. Sau thời hạn đình chỉ, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục thì ~~Bộ trưởng Bộ Giao thông~~ vận tải ra quyết định cho phép cơ sở đào tạo, huấn luyện tiếp tục hoạt động đào tạo, huấn luyện. | 3. Sau thời hạn đình chỉ, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục thì ***Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam*** ra quyết định cho phép cơ sở đào tạo, huấn luyện tiếp tục hoạt động đào tạo, huấn luyện.” | Sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam để phù hợp với thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định |
|  | **4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 10 như sau:** |  |
| **Điều 10. Thu hồi Giấy chứng nhận** |  |  |
| 1. Giấy chứng nhận của cơ sở đào tạo, huấn luyện bị thu hồi trong các trường hợp sau:  a) Cơ sở đào tạo, huấn luyện chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc theo đề nghị của cơ sở đào tạo, huấn luyện;  b) Cơ sở đào tạo, huấn luyện cố ý làm sai lệch thông tin khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận;  c) Cơ sở đào tạo, huấn luyện không tổ chức hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải trong thời gian 18 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận;  d) Hết thời hạn đình chỉ mà cơ sở đào tạo, huấn luyện không khắc phục được vi phạm là nguyên nhân dẫn đến việc bị đình chỉ;  đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. |  |
| 2. ~~Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải~~ ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giao thông vận tải, đồng thời gửi đến các cơ quan liên quan biết, để phối hợp quản lý. | “2. ***Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam*** ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của ***Cục Hàng hải Việt Nam,*** đồng thời gửi đến các cơ quan liên quan biết, để phối hợp quản lý. | Sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam để phù hợp với thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định |
| 3. Cơ sở, đào tạo huấn luyện phải chấm dứt ngay hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải theo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của ~~Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.~~ | 3. Cơ sở, đào tạo huấn luyện phải chấm dứt ngay hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải theo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của ***Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam”.*** | Sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam để phù hợp với thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định |
|  | **5. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:** |  |
| **Điều 11. Đánh giá cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải** | **“Điều 11. Đánh giá cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải** |  |
| ~~Bộ Giao thông vận tải chỉ đạo Cục Hàng hải Việt Nam:~~ |  |  |
| ~~1. Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải để đánh giá nội bộ về việc~~ đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật. | 1. Hàng năm, ***Cục Hàng hải Việt Nam tổ chức đánh giá các cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải về việc*** đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật. | Sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam để phù hợp với thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định |
| 2. Định kỳ 05 năm một lần, tổ chức đánh giá độc lập các cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải theo tiêu chuẩn quy định của Công ước STCW. | 2. Định kỳ 05 năm một lần, ***Cục Hàng hải Việt Nam*** tổ chức đánh giá độc lập các cơ sở đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải theo tiêu chuẩn quy định của Công ước STCW”. | Sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam để phù hợp với thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định |
|  | **6. Sửa đổi, bổ sung Điều 13, đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 3 Nghị định số 69/2022/NĐ-CP như sau:** |  |
|  | **“Điều 13. Thủ tục cấp Giấy xác nhận** |  |
| “1. Tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến ~~Cục Hàng hải Việt Nam~~ 01 bộ hồ sơ. Hồ sơ bao gồm: | 1. Tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến ***Chi cục Hàng hải Việt Nam*** 01 bộ hồ sơ. Hồ sơ bao gồm: | Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Chi cục Hàng hải theo Mục A.4 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 |
| a) Tờ khai theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; | a) Tờ khai theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; |  |
| b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy phép đưa thuyền viên đi làm việc ở nước ngoài hoặc giấy phép cho thuê hoặc cho thuê lại thuyền viên làm việc trên tàu biển dưới hình thức cho thuê, cho thuê lại lao động hoặc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật; | b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính giấy phép đưa thuyền viên đi làm việc ở nước ngoài hoặc giấy phép cho thuê hoặc cho thuê lại thuyền viên làm việc trên tàu biển dưới hình thức cho thuê, cho thuê lại lao động hoặc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật; |  |
| c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận phù hợp hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 và Quy định 1.4 của Công ước MLC về dịch vụ tuyển dụng và cung ứng thuyền viên.” | c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận phù hợp hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 và Quy định 1.4 của Công ước MLC về dịch vụ tuyển dụng và cung ứng thuyền viên. |  |
| 2. ~~Cục Hàng hải Việt Nam~~ tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, ~~Cục Hàng hải Việt Nam~~ có văn bản thông báo và hướng dẫn tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, ~~Cục Hàng hải Việt Nam~~ phải cấp Giấy xác nhận theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. | 2. ***Chi cục Hàng hải Việt Nam*** tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, ***Chi cục Hàng hải Việt Nam*** có văn bản thông báo và hướng dẫn tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. Nếu hồ sơ hợp lệ thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, ***Chi cục Hàng hải Việt Nam*** phải cấp Giấy xác nhận theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. | Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Chi cục Hàng hải theo Mục A.4 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 |
| 3. ~~Cục Hàng hải Việt Nam~~ thông báo thông tin về tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải được cấp Giấy xác nhận trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hàng hải Việt Nam. | 3. ***Chi cục Hàng hải Việt Nam*** thông báo thông tin về tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải được cấp Giấy xác nhận trên Cổng thông tin điện tử của ***Chi cục Hàng hải Việt Nam”.*** | Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Chi cục Hàng hải theo Mục A.4 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 |
|  | **7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 14, đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 3 Nghị định số 69/2022/NĐ-CP như sau:** |  |
| **Điều 14. Cấp lại Giấy xác nhận** |  |  |
| 1. Giấy xác nhận được cấp lại trong các trường hợp Giấy xác nhận hết thời hạn sử dụng, bị mất, bị hư hỏng hoặc có thay đổi thông tin của tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải. |  |  |
| 2. Tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến ~~Cục Hàng hải Việt Nam~~ 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy xác nhận. Hồ sơ bao gồm: | “2. Tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến ***Chi cục Hàng hải Việt Nam*** 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy xác nhận. Hồ sơ bao gồm: | Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Chi cục Hàng hải theo Mục A.4 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 |
| a) Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy xác nhận theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; | a) Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy xác nhận theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; |  |
| b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp thay đổi thông tin về doanh nghiệp); | b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với trường hợp thay đổi thông tin về doanh nghiệp); |  |
| c) Bản chính Giấy xác nhận (đối với trường hợp Giấy xác nhận hết thời hạn sử dụng, bị hư hỏng).  Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, ~~Cục Hàng hải Việt Nam~~ cấp lại Giấy xác nhận và ~~gửi~~ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải; trường hợp không chấp thuận, ~~Cục Hàng hải Việt Nam~~ phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. | c) Bản chính Giấy xác nhận (đối với trường hợp Giấy xác nhận hết thời hạn sử dụng, bị hư hỏng).  Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, ***Chi cục Hàng hải Việt Nam*** cấp lại Giấy xác nhận và ***trả kết quả*** trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải; trường hợp không chấp thuận, ***Chi cục Hàng hải Việt Nam*** phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. | Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Chi cục Hàng hải theo Mục A.4 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 |
| 3. Khi cấp lại Giấy xác nhận, ~~Cục Hàng hải Việt Nam~~ phải ghi rõ trong Giấy xác nhận mới về việc thay thế Giấy xác nhận cũ và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của ~~Cục Hàng hải Việt Nam.~~ | 3. Khi cấp lại Giấy xác nhận, ***Chi cục Hàng hải Việt Nam*** phải ghi rõ trong Giấy xác nhận mới về việc thay thế Giấy xác nhận cũ và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của ***Chi cục Hàng hải Việt Nam”.*** | Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Chi cục Hàng hải theo Mục A.4 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 |
| **Điều 15. Thu hồi Giấy xác nhận** | **8. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 15 như sau:** |  |
| 1. Giấy xác nhận bị thu hồi trong các trường hợp sau: |  |  |
| a) Tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải không được cấp lại hoặc gia hạn hoặc bị thu hồi giấy phép thực hiện việc tuyển dụng, cung ứng thuyền viên làm việc trên tàu biển (giấy phép cho thuê, cho thuê lại lao động hoặc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài); |  |  |
| b) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. |  |  |
| 2. ~~Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam~~ quyết định thu hồi Giấy xác nhận và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của ~~Cục Hàng hải Việt Nam~~, đồng thời gửi đến các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện quản lý. | “2. ***Chi Cục trưởng Chi cục Hàng hải Việt Nam*** quyết định thu hồi Giấy xác nhận và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của ***Chi cục Hàng hải Việt Nam***, đồng thời gửi đến các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện quản lý.”. | Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Cục Hàng hải Việt Nam về Chi cục Hàng hải theo Mục A.4 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 |
|  | ***9. Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 03, Mẫu số 04 và Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 29/2017/NĐ-CP bằng Mẫu số 03, Mẫu số 04 và Mẫu số 05 tại Mục 3 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.*** | Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với khoản 6 khoản 7 Điều 3 Nghị định |
|  | ***10. Bãi bỏ Điều 18 Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 03 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.*** |  |
|  | ***11. Bãi bỏ Điều 3 Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2022 quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.*** | Dự thảo Nghị định sửa các khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 14 và mẫu số 4 Nghị định số 29/2017/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 3 Nghị định số 69/2022/NĐ-CP. |
| **Nghị định số 82/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng:** | **Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 82/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng:** |  |
|  | **1. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:** |  |
| **Điều 8. Thẩm quyền quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động** | “**Điều 8. Thẩm quyền quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động** |  |
| ~~Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải~~ quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động ~~trên cơ sở đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam~~. | ***Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam*** quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động”. | Sửa đổi để phù hợp với nội dung quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định. |
| **Điều 9. Thủ tục quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động** | **2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:** |  |
| 1. Chủ cơ sở phá dỡ tàu biển nộp trực tiếp đến Cục Hàng hải Việt Nam hoặc gửi qua hệ thống bưu chính hoặc cổng thông tin điện tử hoặc bằng các hình thức phù hợp khác 01 bộ hồ sơ đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động. |  |  |
| 2. Hồ sơ đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động, gồm: |  |  |
| a) Văn bản đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này (01 bản); |  |  |
| b) Quyết định phê duyệt kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường của chủ cơ sở phá dỡ tàu biển (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu); |  |  |
| c) Hồ sơ hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu); |  |  |
| d) Hồ sơ hoàn công của cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật cho bảo vệ môi trường (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực); |  |  |
| đ) Quy trình kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực); |  |  |
| e) Văn bản thẩm duyệt, kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu). |  |  |
| 3. Trình tự tiếp nhận, xử lý hồ sơ: | “3. Trình tự tiếp nhận, xử lý hồ sơ: |  |
| a) Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn chủ cơ sở phá dỡ tàu biển hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này; | a) Cục Hàng hải Việt Nam tiếp nhận hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cục Hàng hải Việt Nam hướng dẫn chủ cơ sở phá dỡ tàu biển hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Nghị định này. |  |
| b) ~~Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định và báo cáo Bộ Giao thông vận tải bằng văn bản về kết quả thẩm định hồ sơ. Trong quá trình thẩm định, Cục Hàng hải Việt Nam được tiến hành các hoạt động: khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về cơ sở vật chất của cơ sở phá dỡ tàu biển;~~ | ***b) Nếu hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Cục Hàng hải Việt Nam tiến hành các hoạt động: Khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về cơ sơ vật chất của cơ sở phá dỡ tàu biển. Sau khi khảo sát, kiểm chứng các thông tin, cơ sở phá dỡ tàu biển đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật thì trong 02 ngày làm việc, Cục Hàng hải Việt Nam ban hành quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do”.*** | Sửa đổi theo yêu cầu phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam theo Mục A.9 - Phần III Quyết định 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 |
| ~~c) Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động theo~~~~Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.~~ |  |  |
|  | **3. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:** |  |
| **Điều 11. Quyết định dừng ngay hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển** | **“Điều 11. Quyết định dừng ngay hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển** |  |
| 1~~. Bộ Giao thông vận tải~~ quyết định dừng ngay hoạt động của cơ sở trong trường hợp cơ sở phá dỡ tàu biển để xảy ra tai nạn, sự cố gây hậu quả nghiêm trọng đối với con người, môi trường trên cơ sở đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | 1. ***Cục Hàng hải Việt Nam*** quyết định dừng ngay hoạt động của cơ sở trong trường hợp cơ sở phá dỡ tàu biển để xảy ra tai nạn, sự cố gây hậu quả nghiêm trọng đối với con người, môi trường trên cơ sở đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | Sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam để phù hợp với nội dung khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định |
| 2. Căn cứ đề xuất, kiến nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, ~~Bộ Giao thông vận tải~~ xem xét, quyết định dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển. | 2. Căn cứ đề xuất, kiến nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, ***Cục Hàng hải Việt Nam*** xem xét, quyết định dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển. | Sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam để phù hợp với nội dung khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định |
| 3. ~~Bộ Giao thông vận tải~~ thông báo cho các cơ quan liên quan biết và công bố quyết định dừng ngay hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển trên Cổng thông tin điện tử của ~~Bộ Giao thông vận tải.~~ | 3. ***Cục Hàng hải Việt Nam*** thông báo cho các cơ quan liên quan biết và công bố quyết định dừng ngay hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển ***trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hàng hải Việt Nam.”*** | Sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam để phù hợp với nội dung khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định |
|  | **4. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:** |  |
| **Điều 12. Quyết định dừng hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển** | **“Điều 12. Quyết định dừng hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển** |  |
| 1. ~~Bộ Giao thông vận tải~~ quyết định dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển trong các trường hợp sau trên cơ sở đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: | 1. ***Cục Hàng hải Việt Nam*** quyết định dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển trong các trường hợp sau trên cơ sở đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: | Sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam để phù hợp với nội dung khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định |
| a) Cơ sở phá dỡ tàu biển không đáp ứng điều kiện hoạt động quy định tại Điều 7 của Nghị định này; | a) Cơ sở phá dỡ tàu biển không đáp ứng điều kiện hoạt động quy định tại Điều 7 của Nghị định này; |  |
| b) Vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh; | b) Vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh; |  |
| c) Khi có dịch bệnh, thiên tai, thảm họa và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. | c) Khi có dịch bệnh, thiên tai, thảm họa và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. |  |
| 2. Căn cứ đề xuất, kiến nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, ~~Bộ Giao thông vận tải~~ xem xét, quyết định dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển; trường hợp không dừng hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng, ~~Bộ Giao thông vận tải~~ phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. | 2. Căn cứ đề xuất, kiến nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. ***Cục Hàng hải Việt Nam*** xem xét, quyết định dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển; trường hợp không dừng hoạt động cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng, ***Cục Hàng hải Việt Nam*** phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do. | Sửa đổi phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ bộ Giao thông vận tải về Cục Hàng hải Việt Nam để phù hợp với nội dung khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định |
| 3. ~~Bộ Giao thông vận tải~~ thông báo cho các cơ quan liên quan biết và công bố quyết định dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giao thông vận tải. | 3. ***Cục Hàng hải Việt Nam*** thông báo cho các cơ quan liên quan biết và công bố quyết định dừng hoạt động của cơ sở phá dỡ tàu biển trên Cổng thông tin điện tử của ***Cục Hàng hải Việt Nam”.*** |  |
|  | ***5. Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 01, 02 và 03 tại Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 82/2019/NĐ-CP bằng Mẫu số 01, 02, 03 tại Mục 4 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.*** | Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định |
|  | ***Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp*** |  |
|  | ***1. Các văn bản chấp thuận, Quyết định, Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc cấp phép trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện hoạt động cho đến khi hết thời hạn đã được chấp thuận hoặc cấp phép; tiếp tục hoàn thiện thủ tục cấp phép theo quy định tại Nghị định đang. Sau thời hạn này, các tổ chức, cá nhân phải thực hiện đầy đủ các quy định để được chấp thuận hoặc cấp phép theo quy định tại Nghị định này.***  ***2. Đối với các hồ sơ xin cấp các văn bản chấp thuận, Quyết định, Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ tiếp tục thực hiện việc chấp thuận, cấp phép theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.***  ***3. Tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc Giấy xác nhận thuộc trường hợp bị thu hồi trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoặc Giấy xác nhận thực hiện thu hồi theo quy định tại Nghị định này.*** | - Bổ sung Điều 5 để thống nhất với các nội dung về thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính tại dự thảo Nghị định  - Bổ sung trường hợp hồ sơ xin cấp phép đã được gửi đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định cũ, trước ngày nghị định này có hiệu lực thi hành.  - Bổ sung nội dung thẩm quyền thu hồi giấy phép đối với những trường hợp đã được cấp phép trước khi thực hiện phân cấp (Bộ GTVT cấp phép còn hiệu lực nhưng tổ chức thuộc trường hợp bị thu hồi. Dự thảo Nghị định quy định để Cục HHVN (được phân cấp) thực hiện thu hồi). |
|  | **Điều 6 Hiệu lực thi hành** |  |
|  | 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày… tháng … năm 2023.  2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./. |  |

**PHỤ LỤC**

**MẪU CÁC VĂN BẢN SỬ DỤNG TRONG NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN PHÂN CẤP GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /2023/NĐ-CP ngày tháng năm 2023*

*của Chính phủ)*

**Mục 1. Mẫu văn bản sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải**

**Mẫu số 35**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TÊN CHỦ ĐẦU TƯ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |
| Số:……….. | *……., ngày … tháng … năm 20…* | |
| **ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  **Cho phép tiến hành hoạt động trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của cảng vụ hàng hải**  **Kính gửi:** ………………………………..(1)  Tên người làm thủ tục: …………………………………………………………..  Đăng ký kinh doanh (hoặc Chứng minh nhân dân) số ……………… ngày ……. tháng ….. năm …… tại ………………………………………………………….  Địa chỉ: …………………………………………………………………………...  Số điện thoại liên hệ: ………………………..……………………………………  Đề nghị (1)……. ……………. cho phép tiến hành hoạt động trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của (1)…………….theo quy định tại Điều... Nghị định số …. quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải với các thông tin dưới đây:  1. Chủ thể tiến hành: ………………………………………………………….…..  2. Hoạt động tiến hành: …………………………………………………………..  3. Thời gian tiến hành: ……………………………………………………...…….  4. Địa điểm tiến hành: ……………………………………………………………  5. Lý do, sự cần thiết: ………………………………………………….…………  6. Biện pháp cần thiết bảo đảm an toàn, an ninh, phòng ngừa ô nhiễm môi trường: …………………………………………...…………………………….…  7. Bản sao ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có): …………………………...  8. Bản sao các văn bản có liên quan (nếu có)  Kính đề nghị (1) ………………………………………. xem xét, giải quyết./.  *Ghi chú: (1): chủ thể có thẩm quyền giải quyết* | | |
|  | | **CHỦ ĐẦU TƯ** (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) |

**Mục 2. Các mẫu văn bản sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn**

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu số 04 | Mẫu tờ khai dừng hoạt động, đóng cảng cạn |
| Mẫu số 05 | Quyết định về việc dừng hoạt động, đóng cảng cạn |
| Mẫu số 06 | Mẫu tờ khai đổi tên cảng cạn |

**Mẫu số 04**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ -------** | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ……………….. | *……….., ngày …… tháng …… năm 20 ……..* | | |

**TỜ KHAI**

**Dừng hoạt động, đóng cảng cạn**

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam.

Tên tổ chức đề nghị: ………………………………………………………………………..

Người diện theo pháp luật: ……………………………………………………………………

Đăng ký kinh doanh: Số ……do………cấp ngày...... tháng...... năm...... tại ………………..

Địa chỉ: ………………………………………………………………………………………….

Số điện thoại liên hệ: …………………………………………………………………………..

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, tiến hành thủ tục dừng hoạt động, đóng cảng cạn với các thông tin dưới đây:

1. Tên cảng cạn: ………………………………………………………………………………...

2. Vị trí: ……………………………………………………………………………………….

3. Lý do dừng hoạt động, đóng cảng cạn: ………………………………………………………

4. Đề xuất chuyển giao quản lý nhân sự, đất đai (nếu có): …………………………..............…

5. Bản sao ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có): ………………………………………....

6. Các nội dung khác và các tài liệu liên quan kèm theo (nếu có):

Kính đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ** (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) |

**Mẫu số 05**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM -------** | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ……………….. | *……….., ngày …… tháng …… năm ……..* | | |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc dừng hoạt động, đóng cảng cạn**

**CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Căn cứ ………………………………………………………;

Căn cứ……………………………………………………………………;

Căn cứ Nghị định số ……………về đầu tư xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn;

Xét đơn đề nghị dừng hoạt động, đóng cảng cạn của …………………………;

Theo đề nghị của ……………………………………………………………

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố dừng hoạt động, đóng cảng cạn…………………………..

**Điều 2.**

1. Chủ đầu tư cảng cạn ……………………có trách nhiệm ……………….

2. ……………………………………………………………………………

**Điều 3.**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số…………….

**Điều 4.**

Chánh Văn phòng Cục, Chánh Thanh tra Cục, Trưởng các phòng……, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 4; - Bộ GTVT;  - UBND tỉnh….;  - Công ty….; - Website Cục HHVN; - Lưu: VT, .............. (3b) | **CỤC TRƯỞNG** |

**Mẫu số 06**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CHỦ ĐẦU TƯ -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ……………….. | *……….., ngày …… tháng …… năm 20 ……..* |

**TỜ KHAI**

**Đổi tên cảng cạn**

Kính gửi: ………………………….............(1)

Tên doanh nghiệp: …………………………………………………………………..…

Người diện theo pháp luật: ……………………………………………………………

Đăng ký kinh doanh: Số ……do……… cấp ngày…… tháng …..năm........ tại….

Địa chỉ: …………………………………………………………………………….……

Số điện thoại liên hệ: ……………………………………………………………………

Đề nghị …(1) xem xét, chấp thuận đổi tên cảng cạn với các thông tin dưới đây:

1. Tên công trình: ………………………………………………………………………

2. Vị trí: …………………………………………………………………………………

3. Tên cũ đã công bố: …………………………………………………………………

4. Tên mới: ……………………………………………………………………………

5. Bản sao ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có): …………………………………

6. Các nội dung khác và các tài liệu liên quan kèm theo (nếu có): ………………

Kính đề nghị …………………… (1) ……………………… xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ ĐẦU TƯ** (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) |

Ghi chú: (1) Tên của cấp có thẩm quyền đổi tên.

**Mục 3. Các mẫu văn bản sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 03 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải**

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu số 03 | Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải |
| Mẫu số 04 | Mẫu tờ khai cấp/cấp lại giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải |
| Mẫu số 05 | Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải |

**Mẫu số 03**

|  |  |
| --- | --- |
| **CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**  *VIETNAM MARITIME ADMINISTRATION* **-------**  Số ……… /GCN-CHHVN  *No:* | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *SOCIALIST REPUPLIC OF VIETNAM*Independence – Freedom - Happiness  **---------------** |
|  |  |

**GIẤY CHỨNG NHẬN****CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN THUYỀN VIÊN HÀNG HẢI**

*CERTIFICATE OF COMPLIANCE*

*OF MARITIME TRAINING CENTER FOR SEAFARERS’ TRAINING*

Căn cứ Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

*Pursuant to the Government's Decree No.29/2017/ND-CP dated 20/3/2017 on conditions for seafarer’s training facilities andthe issuance Certificate of compliance for seafarer recruitment and placement service providers.*

**CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM CHỨNG NHẬN:**

*VIETNAM MARITIME ADMINISTRATION CERTIFIES:*

Tên cơ sở đào tạo, huấn luyện: ................................................................................................

*Name of Organization: …………………………..……………………………………….………………………*

Tên giao dịch quốc tế (nếu có) ..................................................................................................

*International Name (if available): ……………………………………………………………………………*

Số Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh: …………………………………………………

*Certificate of business registration number:*

Ngày cấp: …………………………………………………………………………………..

*Date of issue: ………………………………………………………………………………..……………………*

Nơi cấp: …………………………………………………………………………………….

*Place of issue: ……………………………………………………………………………………………………*

Địa chỉ trụ sở chính: .............................................................................................................

*Head Office Address: …………………………………………………..………………………………….….*

Điện thoại:.....................................; Fax:.....................; Email: ................................................

*Tel. …………………………….………: Fax: …………….…: Email: ……………………………*

Đủ điều kiện tổ chức các khóa đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải và cấp chứng chỉ huấn luyện theo danh sách đính kèm.

*Is fully in compliance for maritime training and certificating seafarers with the courses specified in the list attached with this Certificate.*

Giấy xác nhận này có giá trị từ ngày cấp………………………………….

*This Certificate is valid from the date of issue.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**  *VIETNAM MARITIME ADMINISTRATION*  *(Ký, đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**  *VIETNAM MARITIME ADMINISTRATION* | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *SOCIALIST REPUPLIC OF VIETNAM*  Independence – Freedom - Happiness |

**DANH MỤC**

**CÁC KHÓA ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN THUYỀN VIÊN HÀNG HẢI**

*LIST OF*

*MARITIME TRAINING COURSES*

*(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện thuyền viên hàng hải số /GCN- CHHVN ngày tháng năm của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam)*

*(Issued with the Certificate No.: ……./GCN-CHHVN dated …… by the Chairman of Vietnam Maritime Administration)*

1. *………………………………………………………..*
2. *……………………………………………………….*
3. *………………………………………………………*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**  *VIETNAM MARITIME ADMINISTRATION*  *(Ký, đóng dấu)* |

**Mẫu số 04**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
|  | *……, ngày … tháng … năm ……* |

**TỜ KHAI**

**CẤP/CẤP LẠI GIẤY XÁC NHẬN PHÙ HỢP VỀ TUYỂN DỤNG VÀ CUNG ỨNG THUYỀN VIÊN HÀNG HẢI**

Kính gửi: Chi Cục Hàng hải Việt Nam

1. Tổ chức đề nghị: ……………………………………………………………………..

Tên giao dịch: ……………………………………………………………….……….…

2. Địa chỉ trụ sở: …………………………………………………………...……………

Điện thoại ………………….; Fax: ……………; Email: ……………………...……….

3. Người đại diện theo pháp luật:

Đề nghị Chi Cục Hàng hải Việt Nam cấp/cấp lại Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải.

Lý do cấp lại (đối với trường hợp đề nghị cấp lại):

…………………………………………………………………………………...………

…………………………………………………………………………………………...

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm theo đúng quy định pháp luật.

Hồ sơ kèm theo gồm:

1. ………………………………………. 4. …………………………………………

2. ………………………………………. 5. …………………………………………

3. ………………………………………. 6. …………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ………; - Lưu: VT,.... | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ** |

Mẫu số 05

|  |  |
| --- | --- |
| CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM VIETNAM MARITIME ADMINISTRATION  **CHI CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM TẠI THÀNH PHỐ ….**  VIETNAM MARITIME ADMINISTRATION – BRANCH IN ….. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc** SOCIALIST REPUPLIC OF VIETNAM  Independence – Freedom - Happiness |
| Số.........…................. *No:* | *https://thuvienphapluat.vn/doc2htm/00327956_files/image001.jpg* |

**GIẤY XÁC NHẬN PHÙ HỢP VỀ TUYỂN DỤNG VÀ CUNG ỨNG THUYỀN VIÊN HÀNG HẢI**

*CERTIFICATE OF ENDORSMENT FOR SEAFARER RECRUITMENT AND PLACEMENT SERVICE PROVIDERS*

Căn cứ Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải;

*Pursuant to the Government’s Decree No 29/2017/NĐ-CP dated 20/3/2017 on conditions for seafarer's training facilities and the issuance Certificate of compliance for seafarer recruitment and placement service providers;*

*Chi Cục Hàng hải Việt Nam tại …… xác nhận:*

*Vietnam Maritime Administration – Branch in …….certified:*

Tên tổ chức ..........................……………………………………………………………………  
*Name of organization* ......................……………………………………………………………

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: ……………………………………………...........  
*Number of Certificate of business registration:……………………………………………….*

Ngày cấp: ………………, Nơi cấp:…………………………………………………….............  
*Date of issue……………., Place of issue:……………………………………………………..*

Địa chỉ:…………………………………………………………………………..........................  
*Address:………………………………………………………………………………………...…*

Điện thoại (Tel): ……………….Fax:………………Email: …………………………..............

phù hợp về tuyển dụng và cung ứng thuyền viên hàng hải theo quy định 1.4 của Công ước Lao động hàng hải năm 2006.  
*endorsement for seafarer recruitment and placement service providers according to the regulation 1.4 of Maritime Labour Convention 2006.*

Giấy xác nhận này có giá trị từ ngày ………….…………đến ngày ...................................  
*This Certificate is valid from ......................................... to  ….......................................…*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHI CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM TẠI THÀNH PHỐ …** VIETNAM MARITIME ADMINISTRATION – BRANCH IN …… *(Ký, đóng dấu)* |

**Mục 4. Các mẫu văn bản sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 82/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu số 01 | Đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biểu đã qua sử dụng vào hoạt động |
| Mẫu số 02 | Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động |
| Mẫu số 03 | Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động |

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: …………. | *……….., ngày ….. tháng …… năm 20…* |

**ĐỀ NGHỊ**

**Đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động**

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam.

**1. Thông tin về cơ sở phá dỡ tàu biển**

a) Tên cơ sở phá dỡ tàu biển:.......................................................................................

b) Địa chỉ:....................................................................................................................

c) Số điện thoại liên hệ: ...............................................................................................

d) Người đại diện theo pháp luật: .................................................................................

đ) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số …………. do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày………tháng……..năm ………..

**2. Thông tin năng lực phá dỡ tàu biển**

a) Loại tàu biển có khả năng phá dỡ: ...........................................................................

b) Giới hạn trọng tải toàn phần của tàu biển vào cơ sở phá dỡ: ....................................

**3. Hồ sơ về cơ sở phá dỡ tàu biển**

a) Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ sở phá dỡ tàu biển kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ sở phá dỡ tàu biển (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

b) Hồ sơ hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

c) Hồ sơ hoàn công của cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật cho bảo vệ môi trường (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực);

d) Quy trình kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và phương án xử lý sự cố kỹ thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động nghiêm trọng (01 bản chính hoặc 01 bản sao có chứng thực);

đ) Văn bản thẩm duyệt, kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu).

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN** |

**Mẫu số 02**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  **CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM** | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **Số:     /QĐ-CHHVN** | *……….., ngày …. tháng ….. năm 20…* | |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động**

**CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị định số …../2019/NĐ-CP ngày ... tháng ……..năm 2019 của Chính phủ quy định về nhập khẩu, phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng;

~~Căn cứ Công văn số……… ngày ... tháng ... năm .... của Cục Hàng hải Việt Nam kiến về việc đề nghị đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động của (Tên cơ sở phá dỡ tàu biển);~~

Theo đề nghị của…………………………………………………

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cơ sở phá dỡ tàu biển sau đây được phép tiếp nhận tàu biển để phá dỡ:

1. Tên cơ sở phá dỡ tàu biển: ......................................................................................

2. Địa chỉ: ...................................................................................................................

3. Số điện thoại liên hệ: ...............................................................................................

3. Người đại diện theo pháp luật: .................................................................................

4. Loại tàu biển phá dỡ: ...............................................................................................

5. Giới hạn trọng tải toàn phần của tàu biển phá dỡ: .....................................................

**Điều 2.** Cảng vụ hàng hải ………………….có trách nhiệm sau đây:

1. Quản lý nhà nước chuyên ngành về hàng hải tại khu vực cảng biển ……………………………và được thu các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ điều kiện thực tế của cơ sở phá dỡ, giới hạn độ sâu vùng nước, luồng cảng biển và các quy định có liên quan của pháp luật để cho phép tàu biển có thông số kỹ thuật phù hợp vào phá dỡ bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

**Điều 3.** Cơ sở phá dỡ tàu biển căn cứ Quyết định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật để tổ chức thực hiện hoạt động phá dỡ đúng mục đích, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ sức khỏe con người và môi trường.

**Điều 4.** Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan căn cứ Quyết định này và các quy định có liên quan của pháp luật để tổ chức thực hiện các hoạt động nghiệp vụ theo chức trách, nhiệm vụ được giao.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm ……… và thay thế Quyết định số ……/QĐ-CHHVN ngày ... tháng … năm….. của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam (trong trường hợp cấp lại).

**Điều 6.** Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Cục, Trưởng các phòng có liên quan của Cục hàng hải Việt Nam, Giám đốc Cảng vụ hàng hải và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 6; - Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan (01 bản); - UBND tỉnh, thành phố có liên quan (01 bản); - Cơ sở phá dỡ tàu biển đề nghị (01 bản); - ………………………………………….; -Lưu: VT,.... | **CỤC TRƯỞNG** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Mẫu số 03**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ………… | *……, ngày … tháng … năm 20…* |

**ĐỀ NGHỊ**

**Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển đã qua sử dụng vào hoạt động**

Kính gửi: Cục Hàng hải Việt Nam

**1. Thông tin về cơ sở phá dỡ tàu biển**

a) Tên cơ sở phá dỡ tàu biển: ...........................................................................................

b) Địa chỉ: ........................................................................................................................

c) Số điện thoại liên hệ: ...................................................................................................

d) Người đại diện theo pháp luật: ....................................................................................

đ) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số ……………….………………. do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày …….. tháng ……. năm ……….

e) Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động số ……………………………………. do (Tên cơ quan cấp) cấp ngày ……. tháng ….. năm ……….

**2. Lý do đề nghị quyết định lại**

..........................................................................................................................................

..........................................................................................................................................

**3. Văn bản kèm theo**

a) Văn bản liên quan đến nội dung thay đổi (01 bản sao có chứng thực hoặc 01 bản sao kèm bản chính để đối chiếu);

..........................................................................................................................................

..........................................................................................................................................

Đề nghị Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, cấp lại quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ PHÁ DỠ TÀU BIỂN** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |